

UBND THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TRƯỜNG THCS BÁI TỬ LONG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
Năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m2/học sinh
I	Số phòng học	17	0.0123
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	17	
2	Số phòng học bộ môn	5	
3	Bình quân lớp/phòng học	0.55	1.0200
4	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6540	4.7254
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2050	1.4812
VI	Tổng diện tích các phòng	1443.76	
1	Diện tích phòng học (m ²)	855.5	0.6181
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	358.74	0.2592
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	77.76	0.0562
3	Diện tích thư viện (m ²)	74	0.0535
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0.0000
5	Diện tích phòng khác (Truyền thống.)(m ²)	77.76	0.0562
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 6	1	0,14 bộ/lớp
2	Khối lớp 7	1	0,11 bộ/lớp
3	Khối lớp 8	1	0,14 bộ/lớp
4	Khối lớp 9	1	0,14 bộ/lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	0,8 bộ/ lớp
IX	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ khu hiệu bộ (Đơn vị tính: bộ)	8	03 máy bàn; 05 máy xách tay
X	Tổng số thiết bị đang sử dụng	4	0.12 bộ/lớp
1	Ti vi	16	0,58 chiếc/lớp
2	Máy chiếu	11	0,35 chiếc/ lớp
3	Máy chiếu vật thể	1	0,03 chiếc/lớp

4	Máy chiếu siêu gần tích hợp tương tác optomas	1	0,03 chiếc/ lớp
5	Thiết bị khác (máy in, photo)	7	01 máy pho tô; 06 máy in

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03		2/2		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung			Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			Có		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)			Có		
XVII	Kết nối internet (ADSL)			Có		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường			Có		
XIX	Tuồng rào xây			Có		

Cẩm Phả, ngày 10 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Huệ